



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO

SỐ 62

THÁNG 08. 2025



Lưu hành nội bộ

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:**I. GIÁ GAO TRONG THÁNG 08: (Nguồn Oryza.com)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÌNH QUÂN	So T07.25	So T08.24
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	364	384	370	-20	-210
	5% tấm	354	374	360	-19	-207
	25% tấm	333	357	341	-25	-175
	Hom Mali 92%	1008	1058	1034	-9	117
	Gạo đỏ 100% Stxd	363	378	368	-17	-204
	A1 Super	308	330	317	-33	-124
VIỆT NAM	5% tấm	389	403	395	+12	-178
	25% tấm	340	376	365	+5	-173
	Jasmine	545	565	556	+1	-106
	100% tấm	330	343	337	+15	-105
ẤN ĐỘ	5% tấm	373	384	379	-	N/a
	25% tấm	360	367	363	-2	N/a
	Gạo đỏ 5% Stxd	364	379	369	-5	-165
	100% tấm Stxd	327	331	329	N/a	N/a
PAKISTAN	5% tấm	353	374	361	-26	-189
	25% tấm	334	354	343	-15	-177
	100% tấm Stxd	305	321	312	-10	-124
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	353	369	361	-10	-179
MỸ	4% tấm	597	650	627	-30	-152
	15% tấm (Sacked)	593	642	627	N/a	-144
	Gạo đỏ 4% tấm	858	939	888	+22	+81
	Calrose 4%	786	811	802	+15	-75

II. SỰ KIẾN TRONG THÁNG:**1. Dự báo thị trường thương mại gạo toàn cầu:**

Cập nhật T08.2025	Sản lượng 2025/26	So 2024/25	Thương mại 2025/26	So 2024/25 2025/26	Tồn kho cuối kỳ 2025/26	So 2024/25
IGC	544,0	+0,55%	60,0	+1,69%	184,0	+1,10%
USDA	541,3	-0,04%	61,7	+1,00%	187,3	-0,19%
FAO	555,6	+1,05%	60,3	-0,82%	214,4	+2,05%

2. Dự báo tình hình xuất khẩu toàn cầu niên vụ 2025/2026:
(Theo USDA đến ngày 10/09/2024; ĐVT: triệu tấn)

Nước xuất khẩu	2022/23	2023/24	2024/25	2025/26 (T7.2025)	2025/26 (T8.2025)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
Ấn Độ	17,733	17,300	17,800	25,000	25,000	-	-
Thái Lan	8,736	10,000	10,000	7,200	7,200	-	-
Việt Nam	8,225	9,000	9,035	7,900	7,900	-	-
Pakistan	4,528	6,400	6,479	5,300	5,300	-	+0,100
Campuchia	3,000	3,700	3,700	4,100	4,100	-	+0,100
Trung Quốc	1,602	1,150	1,115	0,900	0,900	-	-0,150
Mỹ	2,397	3,170	3,250	3,000	3,100	+0,100	+0,125
Các nước khác	7,621	8,504	8,397	8,310	8,540	+0,230	-0,174
Cả Thế giới	53,842	59,224	59,776	61,710	62,040	+0,330	+0,001

3. Dự báo tình hình nhập khẩu toàn cầu niên vụ 2025/2026:
(Theo USDA đến ngày 10/09/2025; ĐVT: triệu tấn)

Nước nhập khẩu	2022/23	2023/24	2024/25	2025/26 (T7.2025)	2025/26 (T8.2025)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
Philippines	3,900	5,300	5,300	5,500	5,500	-	+0,600
Trung Quốc	2,597	1,400	1,625	2,600	2,600	-	-
Indonesia	3,500	4,250	4,600	0,800	0,800	-	+0,100
Nigeria	2,000	2,400	2,400	3,000	3,000	-	+0,200
Iraq	1,845	2,150	2,150	2,225	2,225	-	+0,025
Bờ Biển Ngà	1,313	1,550	1,616	1,600	1,600	-	-0,250

Saudi Arabia	1,487	1,750	1,750	1,850	1,850	-	-
Senegal	1,300	1,400	1,400	1,650	1,650	-	-0,050
Malaysia	1,410	1,850	1,750	1,650	1,650	-	+0,050
Iran	0,751	0,800	0,750	1,050	1,050	-	+0,050
Liên Minh Châu Âu	2,183	2,300	2,350	2,200	2,200	-	-0,200
<i>Các nước khác</i>	<i>35,456</i>	<i>39,374</i>	<i>39,385</i>	<i>43,085</i>	<i>43,415</i>	+0,330	+0,076
Cả Thế giới	53,842	59,224	59,776	61,710	62,040	+0,330	+0,001

4. Các thị trường chính:

Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), giá xuất khẩu bình quân gia quyền gạo trắng toàn cầu, kết thúc tháng 8 ở mức 415 USD/tấn, giảm 14 USD/tấn so với tháng trước và giảm 228 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo báo cáo “Thị trường và Thương mại Toàn cầu” tháng 7/2025 của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng ngũ cốc thế giới trong niên vụ 2025/26 được dự báo sẽ đạt mức kỷ lục. Thương mại quốc tế cũng được kỳ vọng tăng nhờ xuất khẩu tăng từ Miến Điện và Hoa Kỳ. Tiêu thụ toàn cầu được dự báo tăng nhẹ, trong khi tồn kho giảm, chủ yếu tại Nigeria, Philippines và Miến Điện. Đối với niên vụ 2024/25, sản lượng được điều chỉnh thấp hơn do vụ mùa của Indonesia thấp hơn dự kiến, nhưng thương mại lại tăng nhờ xuất khẩu từ Miến Điện, Việt Nam và Thái Lan. Về giá cả, xu hướng biến động trái chiều: giá giảm tại Hoa Kỳ, Thái Lan, Uruguay và Pakistan, trong khi Ấn Độ và Việt Nam ghi nhận mức tăng. Nhập khẩu gạo của Iraq trong niên vụ 2024/25 đạt mức kỷ lục, được thúc đẩy bởi tăng trưởng dân số, sản xuất trong nước yếu và nguồn cung từ Hoa Kỳ.

Báo cáo Cung – Cầu Nông sản Thế giới (WASDE) tháng 8/2025 của USDA dự báo nguồn cung gạo toàn cầu niên vụ 2025/26 sẽ giảm nhẹ xuống ở mức 728,7 triệu tấn, giảm 200.000 tấn so với dự báo tháng 7 do tồn kho đầu kỳ thấp hơn tại Nigeria, Miến Điện và Thái Lan. Sản lượng vẫn ổn định ở mức 541,46 triệu tấn, trong khi tiêu thụ đạt mức kỷ lục 542,0 triệu tấn, dẫn đầu là Nigeria. Thương mại gạo thế giới được dự báo đạt 62,1 triệu tấn, với sự đóng góp lớn từ xuất khẩu của Miến Điện và Hoa Kỳ, và lượng tồn kho cuối vụ toàn cầu dự kiến sẽ giảm xuống còn 186,7 triệu tấn. Mức tiêu thụ kỷ lục và lượng tồn kho khan hiếm ở các nước nhập khẩu chính có thể hỗ trợ giá, mặc dù dự trữ và sản lượng ổn định của Ấn Độ có thể hạn chế nguy cơ tăng giá mạnh.

Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (UN FAO), Chỉ số Giá Gạo Toàn cầu giảm xuống còn 103,5 trong tháng 7/2025, giảm 1,8% so với tháng 6 và giảm 22,3% so với cùng kỳ năm ngoái, xuống mức thấp nhất kể từ tháng 3/2022. Giá giảm chủ yếu do nhu cầu yếu và nguồn cung dồi dào, đặc

biệt tại Thái Lan, Việt Nam và Pakistan. Giá gạo hạt dài của Hoa Kỳ nhìn chung ổn định, trong khi giá gạo trắng của Ấn Độ giảm nhưng giá gạo đỏ lại tăng nhờ nhu cầu từ châu Phi và Bangladesh. USDA dự báo sản lượng gạo của Hoa Kỳ niên vụ 2025/26 đạt 208,5 triệu cwt, với xuất khẩu tăng lên 97,0 triệu cwt và tồn kho cuối kỳ giảm gần 12% so với năm trước. Trên toàn cầu, sản lượng gạo dự kiến sẽ đạt 541,5 triệu tấn, tiêu thụ 542,0 triệu tấn và thương mại khoảng 62,0 triệu tấn, với Miến Điện và Hoa Kỳ thúc đẩy mức tăng xuất khẩu.

THÁI LAN:

Giá gạo tám 5% của Thái Lan kết thúc tháng 8 ở mức khoảng 357 USD/tấn, giảm khoảng 17 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 217 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu gạo của Thái Lan đang gặp thách thức do Philippines tạm ngừng nhập khẩu trong 60 ngày kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2025, khiến các đơn hàng đang chờ xử lý bị ảnh hưởng. Để bù đắp tác động này, Thái Lan đang đẩy mạnh giao hàng sang Trung Quốc, bao gồm cả giao dịch mua bán gạo theo hình thức G2G với số lượng 280.000 tấn, đồng thời mở rộng sang các thị trường như Bangladesh, Ả Rập Xê Út, Nhật Bản và Hồng Kông. Mặc dù phải đối mặt với cạnh tranh với các nước xuất khẩu và nguồn cung toàn cầu tăng mạnh, các doanh nghiệp xuất khẩu của Thái Lan vẫn tự tin đạt mục tiêu xuất khẩu 7,5 triệu tấn trong năm 2025. Trong nửa đầu năm, xuất khẩu gạo của nước này tăng 27,3% về lượng và 36,5% về giá trị, đạt 3,73 triệu tấn với trị giá 2,33 tỷ USD.

Giá gạo trong nước đã giảm mạnh, với mức giá tháng 7 giảm 45% so với cùng kỳ năm trước, buộc chính phủ phải can thiệp. Để hỗ trợ nông dân, nội các đã thông qua gói hỗ trợ trị giá 114 tỷ baht (3,5 tỷ USD), bao gồm khoản hỗ trợ trực tiếp 1.000 baht/rai (tối đa 10 rai cho mỗi hộ) cùng với các chương trình tín dụng, cho vay và hỗ trợ lãi suất nhằm bình ổn giá và giúp nông dân trì hoãn bán lúa. Bên cạnh đó, một sáng kiến riêng trị giá 40 tỷ baht (1,23 tỷ USD) sẽ hỗ trợ 4,6 triệu hộ trồng lúa trong cả vụ chính và vụ phụ, đồng thời có kế hoạch cắt giảm dần các khoản trợ cấp trong thập kỷ tới.

Sản lượng lúa năm 2025 của Thái Lan dự báo đạt 33,6 triệu tấn, thấp hơn nhẹ so với năm 2024 nhưng vẫn gần mức trung bình 5 năm. Mặc dù điều kiện canh tác thuận lợi, xuất khẩu được dự đoán sẽ giảm xuống còn 7,9 triệu tấn do nguồn cung toàn cầu dồi dào và cạnh tranh mạnh. USDA cho biết xuất khẩu gạo của Thái Lan từ tháng 1 đến tháng 6 giảm 27% so với cùng kỳ năm trước, do nhu cầu yếu từ Indonesia và Philippines, áp lực cạnh tranh lớn và đồng baht Thái mạnh. Giá gạo thơm vẫn duy trì ở mức cao từ 1.030-1.067 USD/tấn, trong khi giá gạo trắng và gạo đỏ đã giảm. Lũ lụt gần đây làm thiệt hại khoảng 1,5%

diện tích lúa vụ chính, dù vậy Thái Lan vẫn duy trì được hoạt động bán hàng ổn định sang Trung Quốc và Iraq trong bối cảnh bất ổn địa chính trị.

ẤN ĐỘ:

Giá gạo tằm 5% của Ấn Độ kết thúc tháng 8 ở mức khoảng 379 USD/tấn, giảm khoảng 1 USD/tấn so với tháng trước.

Tính đến ngày 15 tháng 8 năm 2025, diện tích gieo trồng lúa vụ Kharif của Ấn Độ đã tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước lên 39,86 triệu ha, nhờ lượng mưa gió mùa gần mức bình thường, theo Bộ Nông nghiệp Ấn Độ. Cơ quan Khí tượng Ấn Độ (IDM) cho biết tổng lượng mưa từ ngày 1 tháng 6 đến 10 tháng 8 đạt 539 mm, cao hơn mức trung bình khoảng 1%, dù phân bố không đồng đều. Lượng mưa dồi dào đã giúp mực nước trong các hồ chứa tăng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho các loại cây mùa đông như lúa mì và cải dầu. Bộ trưởng Nông nghiệp dự báo sản lượng lương thực năm 2024–25 có thể đạt mức kỷ lục 354 triệu tấn, trong đó có 149 triệu tấn lúa và khả năng đạt 117 triệu tấn lúa mì, qua đó nới lỏng các hạn chế xuất khẩu.

Punjab đang đối mặt với nguy cơ gặp khó khăn trong thu mua lúa gạo khi các nhà xay xát từ chối tiếp nhận các giống lai do tỷ lệ gạo gãy cao, mặc dù Tòa án Tối cao đã dỡ bỏ lệnh cấm của bang. Chính quyền bang đang xem xét kháng cáo và đã đề nghị Chính phủ Liên bang hỗ trợ. Punjab hiện có 3,25 triệu ha trồng lúa, trong đó 681.000 ha là basmati. Trong khi các nhà xay xát nêu ra những thiệt hại từ giống lúa lai, các công ty giống lai nhấn mạnh những lợi ích của chúng, bao gồm năng suất cao hơn, tiết kiệm nước và giảm phát thải.

Xuất khẩu gạo của Ấn Độ sang Bangladesh đã được nối lại vào ngày 12 tháng 8 sau thời gian tạm ngừng nhập khẩu, với 242 doanh nghiệp được cấp phép nhập khẩu 461.000 tấn gạo đỏ và 39.000 tấn gạo atap trước ngày 30 tháng 9. Hoạt động giao hàng bắt đầu chỉ sau hai ngày, với khoảng 200.000 tấn dự kiến được vận chuyển qua cảng Hili, góp phần củng cố thương mại song phương và ổn định khu vực biên giới. Trong khi đó, mức thuế 50% mới của Hoa Kỳ có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu gạo xát dổi của Ấn Độ, làm gia tăng nguy cơ mất thị phần vào Thái Lan và Pakistan. Hội đồng Nghiên cứu Quan hệ Kinh tế Quốc tế Ấn Độ (ICRIER) khuyến nghị Ấn Độ tăng cường đối thoại với Hoa Kỳ, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh cải cách trong nước, bao gồm hiện đại hóa hạ tầng, tăng cường nghiên cứu phát triển và giảm thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm rủi ro thấp, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn.

CAMPUCHIA:

Từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2025, Campuchia đã xuất khẩu 420.572 tấn gạo, trị giá 309 triệu USD, sang 65 quốc gia. Trung Quốc là nước nhập khẩu gạo

lớn nhất, nhập khẩu 105.621 tấn với trị giá 62,1 triệu USD. Gạo thơm chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng lượng xuất khẩu (77,7%), tiếp theo là gạo trắng (15,6%) và gạo đỏ (3,3%). Các quan chức cho rằng kết quả kinh doanh khả quan này là nhờ các hiệp định thương mại như RCEP và Hiệp định Thương mại Tự do Campuchia – Trung Quốc, giúp gạo Campuchia được hưởng ưu đãi thuế quan và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường.

PAKISTAN:

Giá gạo 5% tấm của Pakistan kết thúc tháng 8 ở mức khoảng 355 USD/tấn, giảm khoảng 17 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 185 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Pakistan và Iran đã thống nhất tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp và thương mại, trong đó Iran dự kiến sẽ nhập khẩu một phần đáng kể gạo từ Pakistan. Thỏa thuận này mang lại cho nông dân Pakistan một thị trường xuất khẩu ổn định và mở ra cơ hội cho các mặt hàng khác như xoài, thịt và ngô. Hai nước cũng cam kết cải thiện cơ sở hạ tầng biên giới, hệ thống chuỗi cung ứng lạnh và thủ tục hải quan đối với hàng hóa dễ hư hỏng. Iran có kế hoạch nhập tới 60% nhu cầu thịt và gia súc từ Pakistan, đồng thời hợp tác trong quản lý nước và canh tác hiện đại. Thỏa thuận được kết thúc bằng một Tuyên bố chung và kế hoạch tiến tới Hiệp định Thương mại Tự do, trong đó thương mại gạo là trọng tâm của hợp tác.

Xuất khẩu gạo basmati của Pakistan trong năm tài khóa 2024 tăng mạnh lên 772.725 tấn, trị giá 876,9 triệu USD, so với 595.120 tấn trị giá 650,4 triệu USD của năm trước. Mức tăng trưởng này chủ yếu nhờ nhu cầu từ Hoa Kỳ sau khi nước này áp thuế 50% đối với gạo Ấn Độ, trong khi Pakistan chỉ chịu mức thuế 19%. Riêng thị trường Hoa Kỳ chiếm 24% tổng xuất khẩu, vượt Ý (14%) và Anh (11%) cộng lại. Với mức giá cạnh tranh khoảng 1.450 USD/tấn so với 1.800 USD của Ấn Độ, gạo basmati Pakistan đang củng cố vị thế trên thị trường toàn cầu, và nhu cầu gạo thơm tại Hoa Kỳ, hiện chiếm hơn 25% thị trường nội địa và được dự báo sẽ tiếp tục tăng.

INDONESIA:

Theo Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp, Indonesia sẽ không nhập khẩu gạo trong năm nay, dựa vào lượng dự trữ hiện có là 4,3 triệu tấn. Chính phủ đặt mục tiêu giảm phụ thuộc vào nhập khẩu bằng cách thúc đẩy sản xuất trong nước và ưu tiên nhập khẩu các mặt hàng khác như lúa mì và đậu nành. Cơ quan hậu cần quốc gia Bulog hiện phân phối 3.000 tấn gạo mỗi ngày và có kế hoạch tăng lên 7.000 tấn, hướng tới cung ứng 1,3 triệu tấn vào cuối năm với giá bán lẻ cố định

12.500 rupiah mỗi kg (0,78 USD)/kg, đồng thời siết chặt giám sát để ngăn chặn tình trạng trục lợi.

Để đảm bảo phân phối công bằng, Chính phủ sẽ áp dụng một mức giá duy nhất cho gạo được nhà nước trợ cấp, được hỗ trợ bằng khoản trợ cấp lương thực 164,4 nghìn tỷ rupiah (1 tỷ USD). Chính sách này loại bỏ phân loại gạo trung bình và cao cấp, chỉ giữ lại gạo thường và gạo đặc biệt, dù các nhà lập pháp cảnh báo việc áp dụng quá nhanh có thể gây xáo trộn thị trường.

Công ty nông nghiệp nhà nước Agrinas Pangan Nusantara (Persero) có kế hoạch phát triển 12.000 ha đất thuộc sở hữu của quân đội tại Nam Sumatra thành các trang trại lúa hiện đại trị giá 870 tỷ Rp (53 triệu USD). Là một phần của chương trình vùng sản xuất lương thực phục hồi của Indonesia, dự án này nhằm mục đích thúc đẩy khả năng tự cung tự cấp và có thể được nhân rộng trên toàn quốc. Agrinas đặt mục tiêu quản lý hơn 400.000 ha trong năm nay, mặc dù vẫn còn nhiều thách thức về tài chính và thủ tục phê duyệt.

Bộ trưởng Nông nghiệp Indonesia tuyên bố nước này có thể đạt tự chủ về gạo vào năm 2025, sớm hơn một năm so với kế hoạch. Với lượng dự trữ gạo tăng gấp bốn lần lên 4 triệu tấn, thời tiết ổn định và mùa vụ thuận lợi, chính phủ dự kiến không cần nhập khẩu trong bốn tháng tới và có thể chính thức tuyên bố tự chủ vào tháng 12 năm 2025.

PHILIPPINES:

Người tiêu dùng Philippines ngày càng ưu tiên chọn các giống gạo cao cấp của Việt Nam như ST25, DT8 và OM5451, hiện chiếm 74% tổng lượng nhập khẩu, cho thấy xu hướng chuyển từ số lượng sang chất lượng. Bộ Nông nghiệp (DA) Philippines đang xem xét các giải pháp để các giống lúa trong nước đạt tiêu chuẩn tương đương, giúp nông dân duy trì khả năng cạnh tranh và mở rộng cơ hội xuất khẩu.

Để ổn định nguồn cung và tăng cường an ninh lương thực, Tổng thống đã chỉ đạo đấu giá 100.000 tấn gạo thu hoạch trong nước, giải phóng khoảng 1,2 triệu bao trong tuần này với giá 25–28 peso/kg tùy chất lượng. Biện pháp này cũng nhằm giải phóng kho bãi trước vụ thu hoạch lớn sắp tới. Song song đó, chính phủ sẽ triển khai chương trình “Benteng Bigas, Mayroon na”, cho phép các hộ gia đình đủ điều kiện mua gạo với giá trợ cấp 20 peso/kg, bảo đảm khả năng tiếp cận lương thực và sự ổn định của thị trường.

Bộ Nông nghiệp Philippines cảnh báo các nhà bán lẻ không lợi dụng lệnh tạm ngừng nhập khẩu gạo trong 60 ngày, bắt đầu từ 1 tháng 9 năm 2025, để tăng giá. Kiểm tra cho thấy một số nơi trên thị trường nội địa đã tăng giá thêm 2 peso/kg, dù lượng dự trữ vẫn dồi dào ở mức 2,815 triệu tấn, được hỗ trợ bởi

lượng nhập khẩu trong tháng 8 và sản lượng lúa kỷ lục 9,077 triệu tấn trong nửa đầu năm 2025. Bộ yêu cầu các nhà bán lẻ tuân thủ mức trần 43 peso/kg đối với gạo nhập khẩu 5% tám hoặc cung cấp gạo nội địa thay thế.

Lệnh tạm ngừng nhập khẩu này, nhằm bảo vệ nông dân trong thời gian thu hoạch cao điểm, không áp dụng cho các loại gạo đặc sản như gạo Nhật, gạo đồ và gạo basmati. Hiện giá gạo nhập khẩu cao cấp tại Metro Manila ở mức 42–48 peso/kg, trong khi gạo nội địa cao cấp dao động 42–60 peso/kg. Tính đến nay, lượng gạo nhập khẩu trong năm 2025 đã đạt 2,58 triệu tấn.

Sản xuất trong nước tiếp tục duy trì mức cao, với các mục tiêu kỷ lục đã được đặt ra, trong khi việc giảm thuế nhập khẩu từ 35% xuống 15% năm ngoái đã giúp hạ nhiệt lạm phát giá gạo vào tháng 6. Lệnh tạm dừng nhập khẩu ngắn hạn có thể ảnh hưởng đến thị trường gạo toàn cầu, đặc biệt là các nước xuất khẩu lớn như Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam. Tính đến ngày 1 tháng 7 năm 2025, lượng dự trữ gạo của Philippines đạt 2,816 triệu tấn, bao gồm 1,023 triệu tấn tại hộ gia đình, 1,345 triệu tấn trong kho thương mại và 447.580 tấn do Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) quản lý, tạo nguồn dự trữ vững chắc cho nhu cầu trong nước.

NHẬT BẢN:

Giá gạo tại Nhật Bản vẫn tăng mạnh, với giá bán lẻ trung bình cho túi 5 kg đạt 3.737 yên (25 USD) trong giai đoạn 4–10 tháng 8, tăng 195 yên (1,3 USD) so với tuần trước và cao hơn 1,4 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Các giống gạo mang thương hiệu, bao gồm Koshihikari, vẫn ở mức trên 4.000 yên (27 USD), tiếp tục gây áp lực lên chi phí tiêu dùng và giá lương thực nói chung. Giá tăng do thiệt hại từ các đợt nắng nóng trước đây, tình trạng mua tích trữ sau cảnh báo động đất và chính sách nông nghiệp cứng nhắc, khiến lạm phát cơ bản duy trì ở mức 3,1%, vượt mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản.

Việc xuất kho dự trữ quốc gia, vốn giúp hạ nhiệt giá bán lẻ, đang chậm lại. Lượng gạo pha trộn và gạo không thương hiệu bán ra chỉ còn chiếm 48% tổng doanh số, trong khi khối lượng gạo dự trữ đưa ra đấu thầu nhưng không đấu thầu đã giảm từ 13.257 tấn xuống 11.820 tấn. Bộ Nông nghiệp Nhật Bản đã gia hạn thời hạn bán số gạo dự trữ này, với khoảng 100.000 tấn trong tổng số 280.000 tấn đã ký hợp đồng nhưng chưa được giao.

Bloomberg Economics nhận định lạm phát do giá gạo kéo dài có thể thúc đẩy Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) nâng lãi suất điều hành từ 0,5% lên 0,75% vào tháng 10, do giá gạo liên tục đẩy chỉ số CPI vượt mục tiêu. Đợt tăng giá này đã lan sang suất ăn hộp, sushi và nhiều mặt hàng thực phẩm khác, và mùa hè nóng, khô có thể khiến giá lúa vụ mới tăng cao vào mùa thu. Về mặt

chính trị, khủng hoảng giá gạo đã ảnh hưởng đến thương mại, làm suy yếu liên minh cầm quyền và buộc chính quyền Tokyo phải điều chỉnh chính sách nông nghiệp cũng như bổ nhiệm Bộ trưởng Nông nghiệp mới.

HÀN QUỐC:

Xuất khẩu gạo của Hàn Quốc sang Nhật Bản đang tăng mạnh, với lượng hàng xuất khẩu từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2025 đạt khoảng 450 tấn, vượt xa kỷ lục trước đó là 16 tấn vào năm 2012. Xuất khẩu dự kiến sẽ đạt 900 tấn vào cuối năm, cao gấp hơn 50 lần.

Giá gạo tăng cao tại Nhật Bản giúp gạo Japonica hạt ngắn của Hàn Quốc trở nên cạnh tranh dù vẫn chịu thuế nhập khẩu, mang lại cho nông dân Hàn Quốc một thị trường mới quan trọng và góp phần giải quyết tình trạng dư thừa trong nước, đồng thời giúp người tiêu dùng Nhật Bản tiếp cận gạo chất lượng với giá thấp hơn.

BANGLADESH:

Theo báo cáo GAIN mới nhất, sản lượng lúa của Bangladesh trong niên vụ 2025/26 được dự báo đạt 37,5 triệu tấn trên diện tích 11,7 triệu ha, giảm nhẹ do diện tích gieo trồng vụ Aus thu hẹp. Vụ Boro đạt sản lượng 20,5 triệu tấn, vụ Aus tăng thêm 2,3 triệu tấn và vụ Aman đang diễn ra dự kiến mang lại 14,7 triệu tấn. Giá gạo trong nước đã đạt mức cao kỷ lục vào tháng 7 năm 2025, với gạo thô ở mức 57,5 BDT (0,47 USD)/kg và gạo mịn không thơm ở mức 80 BDT (0,65 USD)/kg, tăng hơn 12% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là chi phí xay xát tăng, lạm phát và các bất cập trong chuỗi cung ứng.

Để hạ nhiệt giá, chính phủ nâng dự báo nhập khẩu lên 1,2 triệu tấn, trong đó 400.000 tấn thông qua đấu thầu công khai và 500.000 tấn qua thương nhân tư nhân, được hỗ trợ bởi việc giảm thuế và chính sách nhập khẩu miễn thuế. Nhu cầu mạnh từ Bangladesh cũng khiến giá gạo Ấn Độ tăng 14% chỉ trong hai ngày, thúc đẩy hoạt động xay xát dù nguồn cung nội địa của Ấn Độ vẫn dồi dào.

Bangladesh đã đạt mức thu mua lúa gạo kỷ lục trong vụ Boro 2025, vượt chỉ tiêu với 1,7 triệu tấn lúa và gạo được mua vào. Lượng dự trữ hiện vượt 2 triệu tấn, phục vụ các chương trình an sinh, trợ giá và cứu trợ, trong khi giá thu mua cố định cao hơn đã đem lại lợi ích cho nông dân. Để tiếp tục bình ổn giá, Cục Thuế Quốc gia đã giảm thuế nhập khẩu gạo từ 63,25% xuống còn 2%, cho phép nhập khẩu ngay lập tức, đồng thời triển khai chương trình trợ giá thực phẩm bán gạo với giá 15 taka/kg cho 5,5 triệu người thu nhập thấp.

Hoạt động thu mua có chậm lại đôi chút do thuế khấu trừ tại nguồn 0,5%, khiến một số nông dân ngần ngại bán cho chính phủ. Tính đến giữa tháng 7, lượng thu mua gồm 377.000 tấn lúa, 961.000 tấn gạo đồ và 27.908 tấn gạo atap.

Bộ Lương thực đặt kế hoạch mua thêm 50.000 tấn gạo đồ Boro và 15.000 tấn gạo atap vào giữa tháng 8 để đạt mục tiêu phân phối 3,123 triệu tấn trong năm tài chính 2025–26 và ổn định thị trường.

CHÂU ÂU:

USDA dự báo sản lượng gạo của Liên minh châu Âu trong niên vụ 2025/26 sẽ tăng, với sản lượng gạo xay xát đạt 1,65 triệu tấn và diện tích thu hoạch mở rộng lên 422.000 ha nhờ hệ thống tưới tiêu được cải thiện tại Tây Ban Nha và lợi nhuận cao tại Ý. Các nước sản xuất chính gồm Ý, Tây Ban Nha, Hy Lạp và Hungary. Mức tiêu thụ dự kiến tăng lên 3,3 triệu tấn do lạm phát giảm và nhu cầu từ ngành dịch vụ ăn uống phục hồi. Xuất khẩu có thể tăng lên 425.000 tấn, trong khi nhập khẩu có thể giảm nhẹ xuống 2,11 triệu tấn nhờ sản xuất và tồn kho trong khối tăng lên.

Các nhà xuất khẩu gạo châu Âu đang đối mặt với chi phí cao hơn sau khi Hoa Kỳ nâng thuế đối với gạo EU từ 10% lên 15% kể từ ngày 7 tháng 8, động thái có thể gây áp lực lên doanh nghiệp xuất khẩu và khiến giá gạo tại Mỹ tăng. Các vùng trồng lúa của Tây Ban Nha đã đề nghị hỗ trợ nhiều hơn theo Chính sách Nông nghiệp Chung (CAP) cho niên vụ 2025, với tổng mức hỗ trợ trực tiếp 4,89 tỷ euro (5,67 tỷ USD), bắt đầu chi trả từ ngày 16 tháng 10 và dự kiến hoàn tất trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

MỸ LATIN:

Giá gạo 5% tấm của **Uruguay** kết thúc tháng 8 ở mức khoảng 496 USD/tấn, giảm khoảng 11 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 297 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá gạo 5% tấm của **Argentina** kết thúc tháng 8 ở mức khoảng 485 USD/tấn, giảm khoảng 8 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 318 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá gạo 5% tấm của **Brazil** kết thúc tháng 8 ở mức khoảng 510 USD/tấn, giảm khoảng 9 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 322 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá gạo 4% tấm của **Hoa Kỳ** kết thúc tháng 8 ở mức khoảng 598 USD mỗi tấn, giảm khoảng 50 USD so với tháng trước và giảm khoảng 181 USD so với cùng kỳ năm ngoái.

Báo cáo Tồn kho Gạo ngày 20 tháng 8 năm 2025 của USDA cho thấy nguồn cung gạo của Hoa Kỳ cao hơn so với năm trước, chủ yếu nhờ tồn kho gạo hạt dài tăng mạnh, đặc biệt tại bang Arkansas, trong khi nguồn cung gạo hạt trung bình và hạt ngắn vẫn eo hẹp do sản lượng California giảm. Tồn kho lúa thô giảm theo mùa từ 69,7 triệu xuống 44,6 triệu cwt trong giai đoạn tháng 6 đến

tháng 8, nhưng vẫn cao hơn 35% so với cùng kỳ năm ngoái nhờ lượng gạo hạt dài tăng. Tồn kho gạo xay tăng 6% so với tháng 6 và tăng 34% so với cùng kỳ, phản ánh hoạt động xay xát mạnh hơn. Tồn kho tại Arkansas tăng 77% so với năm trước, cùng với mức tăng tại Louisiana và Texas, trong khi California giảm 20%, cho thấy nguồn cung gạo hạt dài dồi dào nhưng gạo hạt trung bình và hạt ngắn lại khan hiếm hơn.

Trong tuần kết thúc ngày 14 tháng 8, USDA ghi nhận lượng bán hàng xuất khẩu ròng đạt 9.200 tấn. Các thị trường chính gồm: chưa xác định (6.000 tấn), Canada (1.000 tấn), Mexico (900 tấn), Nhật Bản (400 tấn) và Liberia (300 tấn). Tổng lượng gạo giao trong tuần đạt 9.600 tấn, trong đó Mexico nhận 3.500 tấn, Canada 2.100 tấn, Nhật Bản 1.800 tấn, Hàn Quốc 900 tấn và Ả Rập Xê Út 300 tấn.

TRUNG ĐÔNG:

Iran đã đề xuất hợp tác trồng lúa chung tại Pakistan và chế biến tại Khu Thương mại Tự do Chabahar của Iran nhằm giải quyết tình trạng thiếu nước và tăng cường quan hệ nông nghiệp. Đề xuất này được đưa ra trong chuyến thăm của Tổng thống Iran, bao gồm cả việc cấp visa kinh doanh nhiều lần, thành lập khu thương mại tự do chung, và kết nối Hành lang Kinh tế Trung Quốc–Pakistan (CPEC) đến Nga và Châu Âu thông qua Hành lang Giao thông Bắc–Nam Quốc tế (INSTC). Bộ trưởng Thương mại Pakistan hoan nghênh sáng kiến này, nhấn mạnh tiềm năng giúp thúc đẩy kim ngạch thương mại song phương hiện tại trị giá 3 tỷ USD.

Trong khi đó, Iran đã dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu gạo kéo dài bốn tháng, mở lại thị trường quan trọng cho các nhà xuất khẩu Ấn Độ, những người đang phải đối mặt với mức thuế 25% của Mỹ. Liên đoàn Xuất khẩu Gạo Ấn Độ (IREF) kỳ vọng động thái này sẽ thúc đẩy mạnh xuất khẩu, vì Iran truyền thống nhập hơn 1 triệu tấn gạo Ấn Độ mỗi năm. Với việc Ấn Độ đang nắm 45% thị phần xuất khẩu gạo toàn cầu, nhu cầu được khôi phục từ Iran có thể giúp nước này nâng thị phần lên 55%, được hỗ trợ bởi sản lượng kỷ lục và lượng tồn kho dư thừa, qua đó tăng khả năng cạnh tranh trước Việt Nam, Thái Lan và Pakistan.

CHÂU PHI:

Nigeria: Các hiệp hội nông dân, bao gồm AFAN và RIFAN, cáo buộc các nhóm đầu cơ và thương lái đã làm giá tăng bằng cách găm hàng và đóng gói lại, bất chấp việc chính phủ áp dụng trợ cấp và miễn thuế nhập khẩu. Một bao gạo 50 kg trong nước hiện có giá 43–53 USD, tăng gần 45% chỉ trong hai tháng, trong khi gạo mang thương hiệu nước ngoài được bán với giá khoảng 99 USD. Nông dân cho rằng giá tăng không phải do sản xuất giảm mà do thao túng thị

trường, và kêu gọi chính phủ làm việc trực tiếp với người sản xuất thực thụ, đồng thời tăng cường giám sát để ngăn giá leo thang thêm.

Kenya: Chính phủ đã phê duyệt nhập khẩu 500.000 tấn gạo miễn thuế để đáp ứng nhu cầu năm 2025 dự kiến đạt 1,5 triệu tấn, trong khi sản lượng trong nước chỉ đạt khoảng 260.000 tấn, đáp ứng 20% nhu cầu. Dù chính quyền cho rằng nhập khẩu nhằm bảo đảm nguồn cung cho trường học và lực lượng an ninh, nông dân cảnh báo lượng nhập khẩu quá lớn có thể khiến giá giảm mạnh, gây thiệt hại cho các nhà sản xuất địa phương và làm suy yếu an ninh lương thực dài hạn. Các nhà phê bình cũng cáo buộc chính phủ thổi phồng mức thiếu hụt để mang lại lợi ích cho các nhà nhập khẩu có quan hệ chính trị, và đã có đơn kiện được nộp lên tòa.

Ghana và Sierra Leone: FAO dự báo sản lượng lúa năm 2024 của Ghana đạt 1,721 triệu tấn, tăng so với 1,443 triệu tấn của năm 2023 nhờ các chương trình hỗ trợ đầu vào của chính phủ dù lượng mưa phân bố không đều. Tại Sierra Leone, gieo trồng lúa và ngũ cốc năm 2025 gặp các đợt khô hạn giữa mùa, nhưng các chương trình của chính phủ thúc đẩy cơ giới hóa và sử dụng giống tốt hơn đã giúp sản lượng lúa đạt 1,39 triệu tấn, tăng 5,7% so với năm 2024. Sản lượng cải thiện đã góp phần giảm tình trạng mất an ninh lương thực từ 1,6 triệu người năm 2024 xuống còn 1,2 triệu người năm 2025.

5. Thông tin thầu:

Hàn Quốc:

Tập đoàn Thương mại Nông-Thủy sản và Thực phẩm (KAFTC) của **Hàn Quốc** đã hoàn tất việc mua 45.200 tấn gạo tẻ trong gói thầu hạn ngạch thuế quan (TRQ) thứ tư cho năm 2025, kết thúc ngày 8/8. Trong đó gồm 30.000 tấn từ Việt Nam với giá từ 361,8 – 380 USD/tấn, và 15.200 tấn từ Thái Lan với giá 378,8 – 384 USD/tấn, cùng một lô nhỏ 200 tấn gạo hạt dài với giá 1.084,9 USD/tấn.

Nhật Bản:

Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp (MAFF) đã công bố kết quả gói thầu mua – bán đồng thời (SBS) lần thứ hai theo CPTPP cho năm tài khóa 2025/26, tổ chức ngày 29/7. Gói thầu nhằm nhập khẩu khoảng 1.200 tấn, trong đó 1.005 tấn đã được giao dịch thành công. Một phiên đấu thầu lại diễn ra ngày 30/7 cho 195 tấn còn lại, nhưng tất cả các hồ sơ dự thầu đều không thành công. Quy trình này nằm trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) nhằm thúc đẩy thương mại giữa 11 quốc gia thành viên.

III. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC: (Nguồn: www.xe.com)

Ngoại tệ	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân
Yuan Trung Quốc (CNY)	7,13	7,21	7,17
Euro (USD/Euro)	0,85	0,87	0,86
Rupiah Indonesia (IDR)	16.099,42	16.414,26	16.293,81
Malaysian Ringgit (MYR)	4,21	4,28	4,23
Philippines Peso (PHP)	56,54	57,74	57,07
South Korean Won (KRW)	1.379,18	1.402,16	1.389,29
Yen Nhật Bản (JPY)	146,82	148,35	147,49
Rupee Ấn Độ (INR)	87,03	88,19	87,52
Burmese Kyat (MMK)	2.098,53	2.099,67	2.099,13
Pakistan Rupees (PKR)	282,70	283,95	283,47
Baht Thái Lan (THB)	32,28	32,66	32,42
Vietnamese Dong (VND)	26.187,48	26.412,15	26.279,19

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**I. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:****1. Kết quả xuất khẩu:**

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/08 đến 31/08/2025 đạt 866.943 tấn, trị giá 436,452 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng giảm 3,19% và về trị giá giảm 13,16%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến 31/08/2025 đạt **6,374 triệu tấn**, trị giá **3,262 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2024 tăng 3,75% về số lượng và giảm 15,12% về trị giá.

* Thị trường xuất khẩu 8 tháng năm 2025:

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Philippines	2.933.239	1.438.430.663	46,01%
Ivory Coast	754.262	349.268.072	11,83%
Ghana	662.558	373.342.030	10,39%
China	565.337	286.820.310	8,87%
Malaysia	318.312	154.728.668	4,99%
Senegal	123.152	38.499.836	1,93%
Singapore	108.050	62.896.078	1,69%
Bangladesh	104.838	49.827.053	1,64%
Mozambique	66.920	37.627.447	1,05%

Cuba	60.060	32.052.821	0,94%
Hongkong	42.554	25.744.596	0,67%
United Arab Emirates	39.037	25.044.469	0,61%
Campuchia	30.587	19.326.501	0,48%
Australia	25.573	19.807.402	0,40%
Indonesia	25.417	11.417.237	0,40%
Saudi Arabia	25.225	17.159.886	0,40%
United States of America	24.387	21.768.271	0,38%
Turkey	23.850	14.500.576	0,37%
Taiwan	14.681	8.491.878	0,23%
Netherlands	11.492	8.778.106	0,18%
Poland	8.390	6.530.325	0,13%
South Africa	6.342	4.168.419	0,10%
Tanzania	4.550	2.211.625	0,07%
Russia	4.418	2.632.652	0,07%
Chile	3.312	2.078.633	0,05%
France	2.896	2.325.365	0,05%
Spain	2.053	1.504.943	0,03%
Angola	968	501.172	0,02%
Ukraine	707	510.630	0,01%
Iraq	151	125.276	0,00%
Brunei	66	67.062	0,00%
Belgium	54	44.712	0,00%
Các nước khác	381.403	243.834.713	5,98%
TỔNG CỘNG	6.374.841	3.262.067.427	100,00%

2. Bảng tàu xếp hàng:

Từ ngày 01/08 – 30/08/2025 có 68 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 555.790 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Tân An Bonanza	HCM	01/08/2025	6.800	Philippines
2	Việt Hải Sun	HCM	01/08/2025	6.800	Philippines
3	TTC An Bình	HCM	02/08/2025	4.000	Philippines
4	Vinacomin Hạ Long	HCM	02/08/2025	7.400	Philippines
5	Phú An 369	HCM	03/08/2025	4.750	Philippines
6	VTV Sky	HCM	03/08/2025	6.000	Philippines
7	HPC Liberty	HCM	04/08/2025	29.000	Châu Phi
8	Long Tân 03	HCM	04/08/2025	4.850	Philippines
9	Phúc Thịnh 89	HCM	05/08/2025	4.800	Philippines

10	Mekong	HCM	06/08/2025	4.100	Philippines
11	Mỹ Hưng	HCM	07/08/2025	7.000	Philippines
12	Green Bay	Mỹ Thời	09/08/2025	3.900	Philippines
13	Hàm Rồng 08	HCM	09/08/2025	2.100	Malaysia
14	Tân An 01	HCM	09/08/2025	4.750	Philippines
15	Thor Madoc	HCM	09/08/2025	45.000	Châu Phi
16	Viễn Đông 09	HCM	09/08/2025	6.000	Philippines
17	Emest Vinberg	HCM	10/08/2025	54.000	Châu Phi
18	Kiến Hưng	HCM	10/08/2025	3.400	Philippines
19	Mekong Star	HCM	10/08/2025	2.950	Philippines
20	Royal 18	HCM	10/08/2025	5.000	Philippines
21	Tuấn Dũng 36	HCM	10/08/2025	6.100	Philippines
22	Panoria	HCM	11/08/2025	50.000	Châu Phi
23	Seagul Lucky	HCM	11/08/2025	12.500	Philippines
24	Lucky Star 16	HCM	12/08/2025	6.500	Philippines
25	Sông Diễm Ocean	HCM	12/08/2025	4.850	Philippines
26	Brother 39	HCM	13/08/2025	4.800	Philippines
27	Ocean Bright	HCM	13/08/2025	6.800	Philippines
28	Royal 16	HCM	13/08/2025	5.000	Philippines
29	Star 55	HCM	13/08/2025	7.300	Philippines
30	Việt Hải Sun	HCM	13/08/2025	6.800	Philippines
31	Vinh Quang Green	HCM	13/08/2025	4.800	Philippines
32	Star 62	HCM	14/08/2025	2.000	Philippines
33	Gold Origin	HCM	15/08/2025	5.400	Philippines
34	Long Tân 99	HCM	15/08/2025	4.850	Philippines
35	Aquamarine	HCM	16/08/2025	6.000	Philippines
36	Green Pacific	Mỹ Thời	16/08/2025	4.000	Philippines
37	Oriental Bay	HCM	16/08/2025	4.800	Philippines
38	An Thịnh Phú 08	HCM	17/08/2025	6.300	Philippines
39	Green Sky	HCM	17/08/2025	4.000	Philippines
40	Ocean 88	HCM	17/08/2025	11.000	Philippines
41	Tân An Dynamic	HCM	17/08/2025	6.800	Philippines
42	Hải Bình	HCM	18/08/2025	4.000	Philippines
43	Tân An Endeavor	HCM	18/08/2025	4.700	Philippines
44	Tân An Advance	HCM	19/08/2025	6.500	Philippines
45	Tân An Honesty	HCM	19/08/2025	4.100	Philippines
46	Vinh Quang 379	HCM	19/08/2025	3.150	Philippines
47	Vinh Quang Glory	HCM	19/08/2025	3.150	Philippines
48	Green Atlantic	HCM	20/08/2025	4.000	Philippines
49	Oriental Star	HCM	20/08/2025	4.800	Philippines
50	Sunshine Star	HCM	20/08/2025	5.000	Philippines

51	Bless Gold	HCM	21/08/2025	10.500	Philippines
52	Brother 16	Mỹ Thới	21/08/2025	4.050	Philippines
53	Dancewood SW	HCM	21/08/2025	25.000	Châu Phi
54	Doric Javelin	HCM	21/08/2025	16.500	Châu Phi
55	North Star	Mỹ Thới	21/08/2025	4.500	Philippines
56	Maxan 8	HCM	22/08/2025	4.800	Philippines
57	MD Sky	HCM	23/08/2025	12.500	Philippines
58	Thái Bình 39	HCM	23/08/2025	4.800	Philippines
59	Long Tân 19	HCM	24/08/2025	4.850	Philippines
60	Tân An Confidence	HCM	24/08/2025	6.800	Philippines
61	TD Fortune	HCM	24/08/2025	9.000	Philippines
62	Minh Tuấn 28	HCM	26/08/2025	3.420	Philippines
63	Minh Anh 01	HCM	27/08/2025	3.450	Philippines
64	Star 56	HCM	27/08/2025	3.420	Philippines
65	Tân An Bonanza	HCM	28/08/2025	6.800	Philippines
66	Tân Long 88	HCM	28/08/2025	3.450	Philippines
67	Hải Âu 28	HCM	30/08/2025	4.900	Philippines
68	Phú An 368	HCM	30/08/2025	4.450	Philippines
Tổng				555.790	

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

* Tính đến ngày 31/08/2025:

+ Vụ Hè Thu 2025 đã xuống giống được 1,503 triệu ha, diện tích thu hoạch được khoảng 1,081 triệu ha, với năng suất 59,5 tạ/ha, sản lượng ước đạt 6,431 triệu tấn lúa.

+ Vụ Thu Đông đã xuống giống được 490 ngàn ha/700 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 75%.

+ Vụ Mùa đã xuống giống được 17 ngàn ha/219 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 7,75%.

2. Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:

Loại Hàng	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá BQ	So với T7/2025	So với T8/2024
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>					
Hạt dài	7.050	4.950	5.996	-149	-1.901

Lúa thường	5.850	4.900	5.520	+51	-2.080
<u>Lúa Khô/ Ướt Tại Kho</u>					
Hạt dài	8.650	6.150	7.307	-223	-2.265
Lúa thường	7.450	5.950	6.742	-61	-2.479
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>					
Lứt loại 1	10.350	7.050	8.786	-553	-3.308
Lứt loại 2	8.650	6.850	8.290	+118	-3.201
Xát trắng loại 1	11.650	9.150	10.499	-417	-3.831
Xát trắng loại 2	9.725	8.950	9.420	+266	-4.134
<u>Phụ Phẩm</u>					
Tấm ½	7.800	7.150	7.533	+17	-2.314
Tấm 2/3	7.600	6.950	7.319	+71	-1.246
Tấm ¾	7.500	6.450	7.128	-31	-1.072
Cám xát	7.150	6.150	6.477	-1.024	-710
Cám lau	7.100	6.050	6.479	-1.001	-703
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Mạn</u>					
Gạo trắng 5% tấm	10.500	8.800	9.817	+110	-4.048
Gạo trắng 10% tấm	9.750	9.450	9.638	+48	-3.993
Gạo trắng 15% tấm	9.850	8.600	9.534	+110	-4.059
Gạo trắng 20% tấm	9.150	9.050	9.100	-240	-4.020
Gạo trắng 25% tấm	9.550	8.400	9.125	+72	-4.142
